

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS - PT
Ngày: 11 - 12 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2023/TLPT-DS ngày 16-10-2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS – ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2023/QĐXX-PT ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1990; nơi cư trú: C1, xã Đ, huyện H, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966; nơi thường trú: Thôn L2, xã T, huyện H, tỉnh Q; (Theo Giấy ủy quyền ngày 15-5-2023).

2. Bị đơn: Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B. Địa chỉ trụ sở: Số 95 Đường T, phường D, quận C, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Y – Chức vụ: Tổng giám đốc;
Người đại diện theo ủy quyền trong quá trình giải quyết vụ án: Ông Hà Minh T -
Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm B Nam Định (theo Giấy ủy quyền số
109/GUQ-PTI-PCKSNB ngày 13-02-2023); người đại diện theo ủy quyền tham
gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Đ, sinh năm 1994 và ông Hồ Đình Q, sinh năm
1995 chức vụ: Chuyên viên Ban pháp chế Tổng công ty CP Bảo hiểm B (Văn bản
ủy quyền số 1024 ngày 01-12-2023);

3. Người kháng cáo: Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt bà T, ông Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hoàng Thị T trình bày:

Chị Hoàng Thị N mua bảo hiểm thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty Bảo hiểm B Nam Định là đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B. Gói bảo hiểm thuộc chương trình “VTA +”, được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B. Toàn bộ thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm của chị Hoàng Thị N đều được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B. Ngày 25-02-2022 sau khi đóng toàn bộ Phí bảo hiểm là 790.000 đồng, chị Hoàng Thị N đã được tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001343/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm, phụ lục kèm theo có các nội dung như sau:

- Người mua bảo hiểm là chị Hoàng Thị N; người được bảo hiểm là chị Hoàng Thị N

- Thời hạn bảo hiểm là 12 tháng, tính từ ngày 26-02-2022 đến ngày 26-02-2023.

- Quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng.

Chị Hoàng Thị N đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19 mũi 3 vào ngày 10-01-2022 tại Trạm Y tế xã T, huyện H, tỉnh Q. Đến ngày 05-3-2022 thì chị Hoàng Thị N được xác định bị mắc bệnh Covid-19 theo Phiếu xét nghiệm PCR của Phòng khám đa khoa 153-Công ty TNHH T. Ngày 06-3-2022, chị Hoàng Thị N được đưa vào điều trị tại Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh Q, đến ngày 12-3-2022 chị Nhàn được ra viện.

Sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, chị Hoàng Thị N đã làm thủ tục thông báo việc bản thân bị mắc bệnh Covid-19 và phải điều trị tại cơ sở y tế cho tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B. Các giấy yêu cầu bảo hiểm, chứng từ điều trị của chị Nhàn đã được chụp ảnh và cập nhật trên hệ thống phần mềm của tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B ngay trong tháng 3-2022. Ngoài việc khai báo online, chị Hoàng Thị N còn gửi bộ hồ sơ gốc yêu cầu bảo hiểm và chứng từ điều trị cho tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B theo đường bưu chính.

Ngày 10-5-2022, PTI có thông báo giải quyết quỹ hỗ trợ với mức chi hỗ trợ cho chị Hoàng Thị N là 12.000.000 đồng. Chị Hoàng Thị N không đồng ý với mức hỗ trợ nói trên và yêu cầu tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho chị Nhàn là 24.000.000 đồng với lý do theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001343/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 và Phụ lục tại trang 2 thì trường hợp của chị Nhàn đã thỏa mãn tất cả các điều kiện của hợp đồng bảo hiểm. Cụ thể là chị Nhàn đã bị mắc bệnh Covid-19 sau hơn 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm, đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19, đã được điều trị tại cơ sở y tế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập; đồng thời trường hợp của chị Hoàng Thị N không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001343/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 của tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B.

Ngoài ra, theo quy định của khoản 3, mục tóm tắt nội dung bảo hiểm của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001343/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 thì tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B phải trả tiền bảo hiểm trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B đã tiếp nhận bộ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ của chị Hoàng Thị N từ ngày 18-3-2022, thời hạn cuối cùng phải trả tiền bảo hiểm là ngày 01-4-2022. Do tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B không trả tiền bảo hiểm đúng thời hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B

phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 02-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm của chị Hoàng Thị N.

Hiện tại, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho chị Hoàng Thị N là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng;

- Buộc tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B phải trả tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền bảo hiểm chậm trả, kể từ ngày 02-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm cho trường hợp của chị Hoàng Thị N.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 25-02-2022 chị Hoàng Thị N mua bảo hiểm thuộc chương trình “VTA +”, được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B. Thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho chị Hoàng Thị N được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B. Ngày 25-02-2022 chị Hoàng Thị N đã đóng toàn bộ Phí bảo hiểm là 790.000 đồng nên được tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001343/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022. Thời hạn bảo hiểm đối với chị Hoàng Thị N là 12 tháng, tính từ ngày 26-02-2022 đến ngày 26-02-2023.

Sau khi chị Hoàng Thị N bị mắc bệnh Covid-19 và được điều trị tại Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh Q, chị Hoàng Thị N đã làm thủ tục thông báo trên hệ thống phần mềm của PTI. Ngày 18-3-2022 tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B cũng đã nhận được bộ hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm của khách hàng Hoàng Thị N, bao gồm giấy yêu cầu bảo hiểm và các chứng từ điều trị của chị Hoàng Thị N. tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B không yêu cầu chị Hoàng Thị N bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác.

Chị Hoàng Thị N mắc bệnh Covid-19 là thuộc sự kiện bảo hiểm quy định trong chương trình bảo hiểm “VTA +”. Tuy nhiên do chị Hoàng Thị N bị mắc bệnh Covid-19 sau khi số lượng người mắc bệnh Covid-19 rất nhiều và Chính phủ thực hiện chủ trương miễn dịch cộng đồng. Để giải quyết việc điều trị cho người

mắc bệnh Covid-19, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 để phân loại nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Theo hướng dẫn của các văn bản trên thì chị Hoàng Thị N mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Vì vậy chị Hoàng Thị N không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm. Tuy nhiên để hỗ trợ khách hàng tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B đã thông báo đồng ý hỗ trợ cho chị Hoàng Thị N số tiền là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng nhưng chị Hoàng Thị N không đồng ý.

Hiện tại tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B không chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị N về việc trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm vì giữa hai bên xảy ra tranh chấp chi trả tiền bảo hiểm.

* Bản án sơ thẩm số 79/2023/DS – ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã quyết định:

Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 22, Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N:

1.1 Buộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B phải trả cho chị Hoàng Thị N số tiền bảo hiểm là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

1.2 Buộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B phải trả cho chị Hoàng Thị N số tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm kể từ ngày 02-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 3.380.000 (ba triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày 30-8-2023 cho đến khi thi hành án xong, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Chị Hoàng Thị N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Hoàng Thị N số tiền tạm ứng án phí 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng do bà Hoàng Thị T đã nộp thay cho chị Hoàng Thị N tại biên lai số 0000116 ngày 29-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

2.2 Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.369.000 (một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn) đồng.

* Tại đơn kháng cáo ngày 11/9/2023 của Tổng công ty bảo hiểm B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty bảo hiểm B.

* Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày, ý kiến, quan điểm như đã nêu trên. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về việc giao kết hợp đồng:

Ngày 25-02-2022 chị Hoàng Thị N mua bảo hiểm thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty Bảo hiểm B Nam Định là đơn vị trực thuộc của tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B. Sau khi chị Nhân đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm, Công ty Bảo hiểm B Nam Định đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001343/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm và Phụ lục kèm theo có ghi các nội dung của hợp đồng bảo hiểm, bao gồm: Người mua bảo hiểm là chị Hoàng Thị N, người được bảo hiểm là chị Hoàng Thị N; thời hạn bảo hiểm đối với chị Hoàng Thị N là 12 tháng, tính từ ngày 26-02-2022 đến ngày 26-02-2023; phí bảo hiểm là 790.000 đồng; quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng; đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng. Ngoài ra giấy chứng nhận bảo hiểm và phụ lục kèm theo còn có các nội dung về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, thời hạn trả tiền bảo hiểm... Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì hợp đồng bảo hiểm giữa chị Hoàng Thị N và PTI là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện; trách nhiệm bảo hiểm của tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B đối với chị Hoàng Thị N phát sinh từ ngày 26-02-2022 đến ngày 26-02-2023.

[2.2] Về sự kiện bảo hiểm:

Căn cứ vào Phiếu xét nghiệm PCR ngày 05-3-2022 của Công ty TNHH T - Phòng khám đa khoa 153 thì chị Hoàng Thị N bị mắc bệnh Covid-19. Như vậy, chị Hoàng Thị N đã bị mắc bệnh Covid-19 sau 08 ngày kể từ ngày được bắt đầu bảo hiểm là ngày 26-02-2022. Ngày 06-3-2022, chị Hoàng Thị N đã được đưa vào Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh Q, đây là cơ sở y tế hợp pháp được Sở Y tế tỉnh Q thành lập để điều trị cho các bệnh nhân mắc Covid-19. Các tình tiết trên là cơ sở để xác định sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001343/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022

ngày 25-02-2022 và phụ lục kèm theo đã xảy ra trong thời hạn bảo hiểm của chị Hoàng Thị N.

[2.3] Về nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm và số tiền chi trả:

Căn cứ nhận định tại mục 2.2 về việc chị Hoàng Thị N bị mắc bệnh Covid-19 trong thời hạn bảo hiểm, được điều trị tại cơ sở y tế hợp pháp là sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001343/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 và phụ lục kèm theo; đồng thời việc chị Hoàng Thị N bị mắc bệnh Covid-19 không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào được ghi trong Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001343/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022. Vì vậy, căn cứ Điều 16 và điểm c khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì PTI có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng là chị Hoàng Thị N theo quy định của hợp đồng bảo hiểm. Do chị Hoàng Thị N bị mắc bệnh Covid-19 sau khi đã được tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh Covid-19, vì vậy căn cứ quy định tại phụ lục của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001343/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 thì số tiền bảo hiểm tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B phải trả cho trường hợp của chị Hoàng Thị N là 24.000.000 đồng.

Đối với quan điểm của tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B cho rằng chị Hoàng Thị N mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế theo hướng dẫn tại Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế, do đó chị Hoàng Thị N là không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ mục 3 Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 của Bộ Y tế thì chị Hoàng Thị N thuộc loại nguy cơ trung bình, định hướng điều trị tại *“bệnh viện hoặc cơ sở thu dung điều trị Covid-19, trong trường hợp quá tải thì có thể xem xét điều trị tại cộng đồng”*; căn cứ ghi chú tại bảng 4, mục 6.1 Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế về nguyên tắc điều trị thì *“người bệnh nhiễm COVID-19 không triệu chứng hoặc mức độ nhẹ có thể điều trị tại nhà hoặc các cơ sở thu dung điều trị COVID-19 tùy theo tình hình dịch tại từng địa phương”*. Trường hợp của chị Hoàng Thị N thực tế đã được cơ sở y tế có thẩm quyền tiếp nhận và điều trị bệnh Covid-19, như vậy là thuộc trường hợp cần thiết phải điều trị tại cơ sở y tế. Đồng thời tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh nguyên đơn đã được tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B thông báo về việc phải điều trị Covid 19 theo Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021

và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế. Vì vậy quan điểm của tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B cho rằng chị Hoàng Thị N mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế nên không được trả tiền bảo hiểm là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về nghĩa vụ chậm trả:

Căn cứ Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và mục 2 chương V Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN, mục 3 phần III Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0001343/GCN/040-KTTT/VTÀ-PLUS/2022 ngày 25-02-2022 thì tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Theo xác nhận của người đại diện tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B thì ngày 18-3-2022 tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B đã nhận được bộ hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm của chị Hoàng Thị N, PTI không yêu cầu phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác. Vì vậy, thời hạn cuối cùng mà tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B phải trả tiền bảo hiểm là ngày 01-4-2022. Do tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B không trả tiền bảo hiểm đúng thời hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 02-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm của chị Hoàng Thị N.

Cụ thể số tiền chậm trả tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 16 tháng 27 ngày: Lãi chậm trả của 16 tháng là $(24.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm/12 \text{ tháng}) \times 14 \text{ tháng} = 3.200.000 \text{ đồng}$ + Lãi chậm trả của 27 ngày là $(24.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm/12 \text{ tháng}/30 \text{ ngày}) \times 27 \text{ ngày} = 180.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số). Tổng cộng là $3.200.000 \text{ đồng} + 180.000 \text{ đồng} = 3.380.000 \text{ đồng}$

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải tiếp tục trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm phải trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền bảo hiểm.

[2.5] Từ những phân tích nhận định nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với những quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị đơn không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu

cầu kháng cáo của mình nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 79/2023/DS – ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải nộp 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000337 ngày 13/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng